

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2022/QĐST - HNGĐ

TP.T, ngày 03 tháng 11 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 39/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm: 1964.

2. Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1987.

Cùng nơi ĐKNKTT tại: Phố 5, phường Q, thành phố T.

Cùng nơi cư trú: Phố 8, Mặt bằng HUD 4, phường Q, TP T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 10 năm 2022, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N kết hôn năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh T. Anh Quyết kết hôn với chị N trong hoàn cảnh anh Quyết đã có 01 đời vợ đã ly hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N không có con, nên không có sự gắn kết nên vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên

công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh Quyết và chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận chị N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0002341 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T (chị N đã nộp đủ lệ phí).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật THA dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP T;
- UBND xã Q, huyện Q.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan A

